

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung

Bà Lò Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Thôn F, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lý Sầu S; địa chỉ: Số nhà B, tổ dân phố C, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lý Sầu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên tự tìm hiểu, không bị ép buộc, không có sự tác động từ bên ngoài và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2023. Sau khi đăng ký kết hôn, bà H và ông S chưa tổ chức đám cưới theo truyền thống và chưa về chung sống được với nhau do sau khi đăng ký kết hôn có một số vấn đề bà H và ông S không thể thống nhất được, dẫn đến mâu thuẫn và tình cảm giữa hai người không còn. Nay bà H xét thấy mục

đích hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà H và ông S không có con chung.

- Về Tài sản chung và N chung: Bà H và ông S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án đề ngày 11/3/2024; bản tự khai đề ngày 19/3/2024 và quá trình giải quyết, bị đơn ông Lý Sáu S trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông S và bà H kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2023. Ông S và bà H yêu nhau và trong suốt thời gian tìm hiểu, hai người gắn bó, không xúc phạm hay ứng xử vô văn hóa dành cho nhau. Hai ông bà rất yêu thương, chăm lo cho nhau và luôn trân trọng tình cảm của hai bên. Gia đình, họ hàng hai bên rất vui mừng và có thủ tục đám ngõ vào ngày 20/9/2023 và chờ ngày lành tháng tốt để tổ chức đám cưới. Trong khoảng thời gian ngắn vừa qua, giữa hai vợ chồng có xảy ra cãi cự, dẫn đến to tiếng và làm tổn thương cả hai người. Trong lúc tức giận, bà H đã gửi đơn đến Tòa án đề nghị ly hôn với ông. Trước đây, ông S đã rất nhiều lần xin lỗi và nhận sai với bà H vì đã to tiếng với bà H, hai bên gia đình cũng cố gắng khuyên bảo bà H rút đơn nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông S không nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét để gia đình hai bên có thêm thời gian động viên bà H rút đơn yêu cầu ly hôn với ông.

- Về con chung: Ông S và bà H không có con chung.

- Về Tài sản chung; nợ chung: Ông S và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn đề nghị về việc hủy bỏ vụ án ly hôn số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024 của ông Lý Sáu S đề ngày 29/5/2024, ông S trình bày:*

Do tính chất công việc đặc thù của ngành vận tải, ông S không thể tham gia phiên tòa xét xử ngày 05/6/2024 của Tòa án và ông S hết mực yêu thương bà H, cố gắng hướng về một tương lai tươi sáng cho hai vợ chồng. Mặt khác, bà H cũng rất yêu thương ông. Từ khi yêu nhau và tìm hiểu gắn bó hơn 2 năm, vợ chồng ông chưa có sự cãi vã hay to tiếng với nhau. Đó là sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu và yêu thương nhau. Do thời gian qua, bà H đã suy nghĩ nhiều và hiểu lầm ông, vì sự hiểu lầm đó mà bà H và ông S to tiếng với nhau cũng là nguyên nhân dẫn đến việc bà H yêu cầu ly hôn. Ông S đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ vụ án ly hôn giữa hai vợ chồng ông.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### [1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/02/2024, bà H nộp đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với ông S; ngày 05/3/2024, bà H nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Cùng ngày 05/3/2024, Tòa án tiến hành thụ lý và ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Sùng đăng k hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa bàn thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên yêu cầu "Ly hôn" của bà H đối với ông S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các vấn đề khác: Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### [2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lý Sầu S tự nguyện kết hôn; có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngày 22/9/2023. Tại thời điểm kết hôn, bà H và ông S đều đã trên 20 tuổi, đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (*Có hiệu lực tại thời điểm kết hôn*) nên hôn nhân giữa bà H và ông S là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi đăng ký kết hôn, bà H và ông S chưa sống chung cùng nhau, chưa tổ chức đám cưới.

Bà H cho rằng: Sau khi kết hôn, do có một số vấn đề giữa hai người không thể thống nhất được với nhau, dẫn đến mâu thuẫn và tình cảm của hai người không còn nên vợ chồng bà chưa tổ chức đám cưới và chưa sống chung với nhau. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Ông S cho rằng: Trong suốt thời gian tìm hiểu, gắn bó, giữa hai người không xúc phạm hay có những ứng xử vô văn hóa dành cho nhau. Hai vợ chồng rất yêu thương, chăm lo cho nhau. Gia đình hai bên đã có thủ tục đám ngõ và chỉ chờ ngày để tổ chức đám cưới. Chỉ vì hiểu lầm và trong lúc tức giận, bà H đã gửi

đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông. Mặc dù ông đã rất nhiều lần xin lỗi, nhận sai với bà H và khuyên bà H rút đơn nhưng bà H không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, là vợ chồng lẽ ra bà H và ông S phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên, giữa hai người đã không tìm được tiếng nói chung. Kể từ ngày 22/9/2023, sau khi đăng ký kết hôn, bà H và ông S chưa tổ chức đám cưới theo truyền thống, chưa từng về chung sống chung với nhau như những cặp vợ chồng theo đúng truyền thống của người Việt Nam. Giữa bà H và ông S có những vấn đề không thể thống nhất được, dẫn đến tình cảm của hai người không có. Bà H bỏ bê gia đình, không còn quan tâm, chăm sóc ông S, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cả hai người. Mâu thuẫn này đã kéo dài kể từ khi hai người đăng ký kết hôn, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm của vợ chồng vẫn không được cải thiện, mặc dù ông S đã nhận ra lỗi lầm của mình, đã rất nhiều lần xin lỗi, nhận sai và khuyên bà H rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình nhưng bà H không đồng ý. Tại phiên tòa, bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông S. Bà H đã sống ly thân với ông S kể từ ngày kết hôn cho tới nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần cho ông S, nhưng ông S vắng mặt, tự ý từ bỏ thiện chí hòa giải giữa hai vợ chồng ông, do đó có cơ sở xác định cuộc hôn nhân của hai người không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Lý Sầu Sùng .

2.2. Về con chung: Bà H và ông S không có con chung, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông S không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**[4]. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Lý Sầu Sùng .

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về Tài sản chung và Nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000928 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 05/6/2024); ông S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- UBND phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Định**

